TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 4 – 2026.
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoan.

Bà Nguyễn Thị Hạnh Thu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 78/2026/HNGĐ-TLST ngày 24 tháng 02 năm 2026, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số 21/2026/QĐST- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị M, sinh ngày 10/3/2000. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn C, xã G, thành phố Hải Phòng. Căn cước số 030300002xxx, cấp ngày 09/4/2025. Hiện đang lao động tại Đài Loan.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Trung H, sinh ngày 20/3/1996. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn C, xã G, thành phố Hải Phòng. Căn cước công dân số 030096006xxx, cấp ngày 29/4/2021. Hiện đang lao động tại Đài Loan.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Lê Thị H1, sinh ngày 01/7/1970; Địa chỉ: thôn T, xã Y, thành phố Hải Phòng. Căn cước công dân số 030170009617, ngày cấp 22/12/2021.

+ Bà Đặng Thị H2, sinh ngày 07/01/1970; Địa chỉ: Thôn C, xã G, thành phố Hải Phòng. Căn cước công dân số 030170009176, ngày cấp 29/04/2021.

(Chị M, anh H, bà H1, bà H2 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Phạm Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Hoàng Trung H được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được UBND xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là xã G, thành phố Hải Phòng) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/01/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà anh H tại thôn C, xã G. Thời gian chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Khoảng cuối năm 2023, hai vợ chồng có đi làm ăn lao động tại Đài Loan. Thời gian lao động bên Đài Loan hai vợ chồng ít liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng phai nhạt và dần dần vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn chung sống với nhau nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Trung H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Hoàng Trúc Quỳnh A, sinh ngày 04/10/2020 và Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 22/5/2023. Sau khi ly hôn, chị M đề nghị được nuôi con chung là Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 22/5/2023 và tiếp tục giao cho anh H nuôi dưỡng con chung là Hoàng Trúc Quỳnh A, sinh ngày 04/10/2020 cho đến khi các con chung trưởng thành. Tuy nhiên, hiện tại chị đang lao động ở Đài Loan nên cháu Quỳnh N đang ở với bà ngoại là bà Lê Thị H1 tại thôn T, xã Y, thành phố Hải Phòng và anh H cũng đang lao động tại Đài Loan nên cháu Quỳnh A đang ở với bà nội là bà Đặng Thị H2 ở thôn C, xã G, thành phố Hải Phòng. Trong thời gian chị M và anh H đang ở nước ngoài, chị M và anh H đề nghị Tòa án tạm giao cháu Hoàng Trúc Quỳnh A cho bà H2 chăm sóc cháu và đề nghị tạm giao cháu Hoàng Quỳnh N cho bà H1 chăm sóc cháu nhằm để các cháu ổn định môi trường sống và học tập.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M trình bày chị biết anh H đi lao động tại Đài Loan nhưng chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh vì anh H không cho chị biết địa chỉ. Đồng thời chị M trình bày ngày 12/3/2026 chị lại tiếp tục sang Đài Loan để lao động nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị, chị vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án và chị ủy quyền cho bà Lê Thị H1 nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại Công văn số 2616/XNC-Đ1 ngày 13/4/2026, Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố H cung cấp thông tin anh Hoàng Trung H, sinh ngày 20/3/1996, xuất cảnh gần nhất ngày 11/12/2023, chưa có thông tin nhập cảnh. Chị Phạm Thị M, sinh ngày 10/3/2000, xuất cảnh ngày gần nhất ngày 12/3/2026, chưa có thông tin nhập cảnh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Lê Thị H1 trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị M. Chị M và anh H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã G, thành phố Hải Phòng) vào ngày 10/01/2020. Thời gian chung sống ở nhà, vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Khoảng cuối năm 2023 vợ chồng chị M có sang Đài Loan lao động. Tháng 4/2025, chị M về nước có nói với bà là do vợ chồng mâu thuẫn, không chung sống với nhau bên Đài Loan nên chị M làm đơn xin ly hôn anh H. Chị M và anh H có 02 con chung là Hoàng Trúc Quỳnh A, sinh ngày 04/10/2020 và Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 22/5/2023. Chị M đề nghị Tòa án giao con chung Hoàng Quỳnh N cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng nhưng hiện nay chị M đang ở nước ngoài nên bà đồng ý tạm thời chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Quỳnh N trong thời gian chị M ở nước ngoài để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống sinh hoạt của cháu N cho đến khi nào chị M về Việt Nam. Bà không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi cháu N trong thời gian bà chăm sóc cháu. Đồng thời, do bà đi làm công việc bận nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Bà đồng ý nhận thay các văn bản của Tòa án và cam kết thông tin cho chị M biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Đặng Thị H2 trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh H. Anh H và chị M tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã G, thành phố Hải Phòng) vào ngày 10/01/2020. Thời gian chung sống ở nhà, vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh H hiện đang lao động tại Đài Loan vẫn thường xuyên gọi điện thoại về cho bà, nhưng anh H không cho bà biết địa chỉ cụ thể nơi anh H đang ở nên gia đình không cung cấp cho Tòa án được. Anh H có gửi bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, giấy ủy quyền cho một người bạn và người bạn đó đã trực tiếp đưa tận tay cho bà. Thông qua các văn bản anh H gửi về thì anh H có quan điểm là đồng ý ly hôn với chị M. Về con chung: Vợ chồng anh H và chị M có có 02 con chung là Hoàng Trúc Quỳnh A, sinh ngày 04/10/2020 và Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 22/5/2023. Anh H cũng nhất trí với yêu cầu của chị M về việc chị M tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Quỳnh N. Anh H đề nghị được nuôi con chung là Hoàng Trúc Quỳnh A, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai nhưng hiện nay anh H đang ở nước ngoài nên bà đồng ý tạm thời chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Trúc Quỳnh A trong thời gian anh H ở nước ngoài để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống sinh hoạt của cháu Quỳnh A cho đến khi nào anh H về Việt Nam. Bà không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu Quỳnh A trong thời gian bà chăm sóc cháu. Đồng thời, do bà đi làm công việc bận nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Chị Phạm Thị M và anh Hoàng Trung H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân xã G, thành phố Hải Phòng) ngày 10/01/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại địa phương. Cuộc số vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong tính

cách thường xuyên xảy ra cãi vã. Hiện nay anh H, chị M đang lao động tại Đài Loan. Quá trình chung sống, anh H và chị M có hai con chung là cháu Hoàng Trúc Quỳnh A, sinh ngày 04/10/2020 và cháu Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 22/5/2023. Nay chị M xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với anh H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, Điều 40 BLTTDS 2015; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án, Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ – HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị M xin ly hôn anh Hoàng Trung H. Về con chung: Giao cháu Hoàng Trúc Quỳnh A, sinh ngày 04/10/2020 cho anh H nuôi dưỡng. Hiện anh H không có ở Việt Nam tạm giao cháu A cho bà Đặng Thị H2 là mẹ đẻ anh H trông nom, nuôi dưỡng. Giao cháu Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 22/05/2023 cho chị M nuôi dưỡng đến năm 18 tuổi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M và anh H không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Hoàng Trung H đang lao động tại Đài Loan, nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với người thân ở trong nước và có địa chỉ thường trú trước khi xuất cảnh tại thôn C, xã G, thành phố Hải Phòng. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, mục 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M không cung cấp được địa chỉ của anh H tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2024/NQ- HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Tòa án đã yêu cầu gia đình anh H cung cấp địa chỉ của anh

H hiện nay đến lần thứ hai, nhưng gia đình không cung cấp được mà gia đình chỉ liên lạc và thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H biết thông qua điện thoại, đây được xem là trường hợp cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa lần hai, anh H vắng mặt, chị M vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Hoàng Trung H tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã G, thành phố Hải Phòng) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/01/2020 nên hôn nhân giữa chị M và anh H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị M yêu cầu ly hôn với anh H. Xét yêu cầu của chị M, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào lời khai của chị M, lời khai của bà H1 (mẹ của chị M) và bà H2 (mẹ của anh H) cho thấy cuộc sống chung vợ chồng giữa chị M và anh H có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không còn chung sống, quan tâm nhau từ năm 2023. Qua xác minh từ phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố H thể hiện anh H đi nước ngoài gần nhất vào ngày 11/12/2023 đến nay vẫn chưa có thông tin nhập cảnh. Tuy ở nước ngoài nhưng anh H vẫn biết thông tin việc chị M yêu cầu ly hôn thông qua lời xác nhận của bà, đồng thời bà cũng xác nhận anh H có thông tin thể hiện việc anh đồng ý ly hôn với chị M nhưng do công việc nên anh không về tham gia tố tụng được. Qua đó cho thấy, hôn nhân giữa chị M và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, cả chị M và anh H đều không mong muốn đoàn tụ, tiếp tục xây dựng cuộc sống gia đình, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, xử cho chị M được ly hôn với anh H.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị M và anh Hoàng Trung H có 02 (hai) con chung là Hoàng Trúc Quỳnh A, sinh ngày 04/10/2020 và Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 22/5/2023. Hiện nay cháu Quỳnh A đang sống cùng với bà H2 (là mẹ anh H) và cháu Quỳnh N đang sống cùng với bà H1 (là mẹ chị M). Chị M và anh H cùng thống nhất đề nghị tiếp tục giao con chung Hoàng Trúc Quỳnh A cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung Hoàng Quỳnh N cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Tuy nhiên, hiện nay cả anh H và chị M đang lao động ở nước ngoài, không thể trực tiếp chăm sóc con được nên chị M đề nghị Tòa án tạm giao cháu Quỳnh N cho bà H1 chăm sóc, nuôi dưỡng và anh H đề nghị tạm giao cháu Quỳnh A cho bà H2 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị M và anh H ở nước ngoài. Bà H1 có ý kiến thể hiện bà đồng ý tạm thời chăm sóc cháu Quỳnh N và bà H2 cũng thống nhất tạm thời chăm sóc cháu Quỳnh A cho đến khi chị M và anh H về Việt Nam. Bà H2 và bà H1 tự nguyện không yêu cầu chị M và anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu Quỳnh A và cháu

Quỳnh N trong thời gian hai bà chăm sóc các cháu. Do đó, để đảm bảo việc được chăm sóc, ổn định cuộc sống hiện tại và điều kiện phát triển toàn diện của các con chung, cần thiết tiếp tục giao con chung Hoàng Quỳnh N cho cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng và tiếp tục giao con chung Hoàng Trúc Quỳnh A cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận sự tự nguyện của chị M và H không yêu cầu bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào và ghi nhận sự tự nguyện của bà H1 và bà H2 về việc không yêu cầu chị M, anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu Quỳnh A, cháu Quỳnh N trong thời gian hai bà chăm sóc hai cháu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[6] Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 40, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 238; Điều 271, Điều 273; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2024/NQ – HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị M. Xử cho chị Phạm Thị M ly hôn anh Hoàng Trung H.

2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 22/5/2023 cho chị Phạm Thị M nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục; giao con chung Hoàng Trúc Quỳnh A, sinh ngày 04/10/2020 cho anh Hoàng Trung H nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Trong thời gian chị M và anh H không ở Việt Nam, tạm giao cháu Hoàng Quỳnh N cho bà Lê Thị H1 chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm giao cháu Hoàng Trúc Quỳnh A cho bà Đặng Thị H2 chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị M và anh Hoàng Trung H về việc không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào và ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị H1 và

bà Đặng Thị H2 về việc không yêu cầu chị Phạm Thị M và anh Hoàng Trung H cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Quỳnh N và Hoàng Trúc Quỳnh A trong thời gian bà H2 và và H1 chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Quỳnh N và Quỳnh A.

Chị Phạm Thị M và anh Hoàng Trung H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được đối trừ 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0002040 ngày 24 tháng 02 năm 2026 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hải Phòng. Chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị M và anh Hoàng Trung H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, người có quyền lợi nghĩa liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự Tp. Hải Phòng. (Phòng THADS khu vực 11-Hải Phòng)
- UBND xã Gia Lộc, TP Hải Phòng.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu VP;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mỹ Như